

Số: **290/2023/QĐST-HNGĐ**

Thành phố Huế, ngày 23 tháng 5 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 57 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 317/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Ông Lê A.T, sinh năm 1978;

Địa chỉ: phường T.H, thành phố H, tỉnh T.T.H.

+ Bà Lê T.B.E, sinh năm 1988;

Địa chỉ: phường T.H, thành phố H, tỉnh T.T.H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê T.B.E và ông Lê A.T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Hai người đã tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T.H, thành phố H, tỉnh T.T.H vào năm 2011. Sau khi kết hôn, ông T và bà E chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp. Từ hơn 03 năm nay, hai người không còn quan tâm đến nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và rạn nứt không thể hàn gắn. Do đó, ông T và bà E thống nhất yêu cầu Tòa án xem xét công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Lê A.T và bà Lê T.B.E có 02 con chung tên là Lê M.N, sinh ngày 16/11/2012 và Lê D.Q, sinh ngày 28/02/2018 và thỏa thuận: Giao cả 02 con chung cho bà E trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông T có nghĩa vụ cấp

đường nuôi con chung, mỗi cháu số tiền 2.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 06/2023 cho đến khi các cháu N và Q lần lượt đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản (nợ chung): Ông Lê A.T và bà Lê T.B.E đều xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Lê A.T và bà Lê T.B.E thỏa thuận mỗi người chịu $\frac{1}{2}$ lệ phí là 150.000 đồng.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự và thuận tình ly hôn lập ngày 12/5/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê A.T và bà Lê T.B.E.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên là Lê M.N, sinh ngày 16/11/2012 và Lê D.Q, sinh ngày 28/02/2018 cho bà Lê T.B.E trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Ông Lê A.T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, mỗi cháu số tiền 2.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 06/2023 cho đến khi các cháu N và Q lần lượt đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn thì người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản (nợ chung): Ông Lê A.T và bà Lê T.B.E đều xác nhận không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Lê A.T và bà Lê T.B.E phải chịu mỗi người $\frac{1}{2}$ lệ phí là 150.000 đồng nhưng được trừ vào khoản tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0005896 ngày 28/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông T và bà E đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT – Huế (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- UBND phường T.H, thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

THẨM PHÁN

Ngô Văn Nam